HỆ THỐNG BIỂU MẪU
CHẾ ĐỘ BÁO CÁO THỐNG KÊ DÙNG ĐỂ THU THẬP HỆ THỐNG CHỈ TIÊU THỐNG KÊ CẤP TỈNH

Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh

STT	Tên biểu	Ký hiệu biểu	Kỳ báo cáo	Ngày nhận báo cáo
A	B	C	D	E
1	Tỷ lệ nữ đảm nhiệm các chức vụ lãnh đạo chính quyền	005a.N/BCS-XHMT	Năm	Ngày 12 tháng 02 năm báo cáo
2	Số vụ án, số bị can đã khởi tố	003g.H/BCS-XHMT	- 6 tháng - Năm	- Báo cáo 6 tháng: Ngày 17 tháng 7 năm báo cáo - Báo cáo năm: Ngày 28/3 năm sau năm báo cáo
3	Số vụ án, số bị can đã truy tố	004g.H/BCS-XHMT	- 6 tháng - Năm	- Báo cáo 6 tháng: Ngày 17 tháng 7 năm báo cáo - Báo cáo năm: Ngày 28/3 năm sau năm báo cáo

A. BIỂU MẪU

Biểu số: 005a.N/BCS-XHMT
Ngày nhận báo cáo:
Ngày 12 tháng 02 năm 20…..

TỶ LỆ NỮ ĐẢM NHIỆM CÁC CHỨC VỤ LÃNH ĐẠO CHÍNH QUYỀN

Có đến ngày 31/12/ ……

Đơn vị gửi:
Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh .....
Đơn vị nhận:
Cục Thống kê .....

	Mã số	Cấp tỉnh			Cấp huyện		
		Tổng số (Người)	Trong đó: Nữ (Người)	Tỷ lệ (%)	Tổng số (Người)	Trong đó: Nữ (Người)	Tỷ lệ (%)
A	B	1	2	3	4	5	6
Toàn tỉnh, TP	**01**						
Chia theo trình độ học vấn							
- Tiểu học	02						
- Trung học cơ sở	03						
- Trung học phổ thông	04						
- Sơ cấp	05						
- Trung cấp	06						
- Cao đẳng	07						
- Đại học	08						
- Thạc sĩ	09						
- Tiến sĩ	10						
Chia theo dân tộc							
- Kinh	11						

	Mã số	Cấp tỉnh			Cấp huyện		
		Tổng số (Người)	Trong đó: Nữ (Người)	Tỷ lệ (%)	Tổng số (Người)	Trong đó: Nữ (Người)	Tỷ lệ (%)
A	**B**	**1**	**2**	**3**	**4**	**5**	**6**
- Dân tộc thiểu số	12						
Chia theo nhóm tuổi							
Dưới 20 tuổi	13						
20-24	14						
25-29	15						
30-34	16						
35-39	17						
40-44	18						
45-49	19						
50-54	20						
55-59	21						
60-64	22						
65 +	23						

……, Ngày..... tháng..... năm.....

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số: 003g.H/BCS-XHMT
Ngày nhận báo cáo:
- 6 tháng: Ngày 17 tháng 7 năm báo cáo
-Nnăm: Ngày 28/3 năm sau năm báo cáo

SỐ VỤ ÁN, SỐ BỊ CAN ĐÃ KHỞI TỐ

6 tháng/Năm (Có đến 31/12/.....)

Đơn vị báo cáo:
Viện Kiểm sát nhân dân cấp tỉnh ……..
Đơn vị nhận báo cáo:
Cục Thống kê .....

	Mã số	Số vụ án (Vụ)	Số bị can (Người)	
			Pháp nhân (Tổ chức)	Cá nhân (Người)
A	B	1	2	3
TỔNG SỐ	**01**			
1. Chia theo tội danh *(Ghi theo thứ tự các tội danh trong BLHS)*				
Tội giết người	02			
.....	03			
.....				
Tội tuyển mộ lính đánh thuê; tội làm lính đánh thuê				
2. Chia theo giới tính bị can				
Nam		x	x	
Nữ		x	x	
3. Chia theo nhóm tuổi bị can				
Từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi		x	x	
Từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi		x	x	
Từ đủ 18 tuổi đến dưới 30 tuổi		x	x	
Từ đủ 30 đến dưới 70 tuổi		x	x	
Từ 70 tuổi trở lên		x	x	
4. Chia theo huyện/thị xã				
(Ghi theo Danh mục các đơn vị hành chính Việt Nam)				

...., Ngày... tháng...năm.....

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số: 004g.H/BCS-XHMT
Ngày nhận báo cáo:
- 6 tháng: Ngày 17/7 năm báo cáo
- Năm: Ngày 28/3 năm sau năm báo cáo

SỐ VỤ ÁN, SỐ BỊ CAN ĐÃ TRUY TỐ

6 Tháng/Năm
(Có đến 31/12/.....)

Đơn vị gửi báo cáo:
Viện Kiểm sát nhân dân cấp tỉnh .....
Đơn vị nhận báo cáo:
Cục Thống kê .....

	Mã số	Số vụ án (Vụ)	Số bị can	
			Pháp nhân (Tổ chức)	Cá nhân (Người)
A	**B**	**1**	**2**	**3**
TỔNG SỐ	01			
1. Chia theo tội danh *(Ghi theo thứ tự các tội danh trong BLHS)*				
Tội giết người	02			
.....	03			
.....				
Tội tuyển mộ lính đánh thuê; tội làm lính đánh thuê				
2. Chia theo giới tính bị can				
Nam		x	x	
Nữ		x	x	
3. Chia theo nhóm tuổi bị can				
Từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi		x	x	
Từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi		x	x	
Từ đủ 18 tuổi đến dưới 30 tuổi		x	x	
Từ đủ 30 đến dưới 70 tuổi		x	x	
Từ 70 tuổi trở lên		x	x	
4. Chia theo huyện/thị xã				
(Ghi theo Danh mục các đơn vị hành chính Việt Nam)				

……, Ngày..... tháng..... năm.....

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên, đóng dấu)

PHẦN II

GIẢI THÍCH VÀ HƯỚNG DẪN CÁCH GHI BIỂU MẪU THU THẬP HỆ THỐNG CHỈ TIÊU THỐNG KÊ CẤP TỈNH

B. GIẢI THÍCH, CÁCH GHI BIỂU

BIỂU SỐ 005a.N/BCS-XHMT: TỶ LỆ NỮ ĐẢM NHIỆM CÁC CHỨC VỤ LÃNH ĐẠO CHÍNH QUYỀN

Biểu số 005a.N/BCS-XHMT: Thu thập chỉ tiêu phản ánh vai trò của phụ nữ cũng như sự bình bằng giới trong việc tham gia lãnh đạo chính quyền từ cấp địa phương đến cấp Trung ương, giúp Nhà nước có căn cứ lập kế hoạch đào tạo, quy hoạch, sử dụng cán bộ nữ nhằm thúc đẩy sự bình đẳng giới.

1. Khái niệm, nội dung, phương pháp tính

a) Tỷ lệ nữ đảm nhiệm chức vụ lãnh đạo chính quyền: là số phần trăm nữ là lãnh đạo chính quyền so với tổng số lãnh đạo chính quyền.

Hệ thống chính quyền của Nhà nước Việt Nam gồm:

(1) Cơ quan quyền lực nhà nước gồm: Quốc hội ở cấp Trung ương và Hội đồng nhân dân các cấp địa phương do nhân dân trực tiếp bầu ra và thay mặt nhân dân thực hiện quyền lực nhà nước;

(2) Cơ quan hành chính gồm: Chính phủ ở cấp Trung ương và Ủy ban nhân dân các cấp địa phương do cơ quan quyền lực tương ứng bầu ra;

(3) Cơ quan xét xử gồm: Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân cấp cao và Toà án nhân dân các cấp địa phương;

(4) Cơ quan kiểm sát gồm: Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân cấp cao và Viện kiểm sát nhân dân các cấp địa phương.

b) Chức vụ lãnh đạo chính quyền gồm:

(1) Cấp Trung ương, gồm:

- Chủ tịch, Phó Chủ tịch Quốc hội; Chủ nhiệm, Phó Chủ nhiệm các Ủy ban của Quốc hội; Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng dân tộc; Vụ trưởng, Phó Vụ trưởng và tương tương;
- Chủ tịch nước, Phó Chủ tịch nước;
- Thủ tướng, Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ; Thứ trưởng và tương đương; Tổng cục trưởng, Phó Tổng cục trưởng và tương đương; Cục trưởng, Phó Cục trưởng và tương đương; Vụ trưởng, Phó Vụ trưởng và tương đương;
- Chánh án, Phó Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; Chánh án, Phó Chánh án, Chánh tòa, Phó Chánh tòa Tòa án nhân dân cấp cao; Tổng cục trưởng, Phó Tổng cục trưởng và tương đương; Cục trưởng, Phó Cục trưởng và tương đương; Vụ trưởng, Phó Vụ trưởng và tương đương;
- Viện trưởng, Phó Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao; Tổng cục trưởng, Phó Tổng cục trưởng và tương đương; Cục trưởng, Phó Cục trưởng và tương đương; Vụ trưởng, Phó Vụ trưởng và tương đương.

(2) Cấp tỉnh, gồm:

- Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp tỉnh;

- Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc, Phó Giám đốc Sở và tương đương;

- Chánh án, Phó Chánh án, Chánh tòa, Phó Chánh tòa Tòa án nhân dân cấp tỉnh; Viện trưởng, Phó Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh.

(3) Cấp huyện, gồm:

- Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp huyện;

- Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện; Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng các phòng chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân.

- Chánh án, Phó Chánh án, Chánh tòa, Phó Chánh tòa Tòa án nhân dân cấp huyện; Viện trưởng, Phó Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện.

(4) Cấp xã, gồm:

- Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp xã;

- Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã.

c) Công thức tính:

$$\text{Tỷ lệ nữ đảm nhiệm chức vụ lãnh đạo chính quyền (\%)} = \frac{\text{Số nữ đảm nhiệm các chức vụ lãnh đạo chính quyền khoá t}}{\text{Tổng số lãnh đạo chính quyền cùng khóa}} \times 100$$

2. Cách ghi biểu

Cột A: Ghi theo các phân tổ theo trình độ học vấn, theo dân tộc và chia theo nhóm tuổi.

Cột 1: Ghi tổng số lãnh đạo chính quyền ở cấp tỉnh

Cột 2: Ghi tổng số nữ lãnh đạo chính quyền ở cấp tỉnh

Cột 3: Ghi tỷ lệ nữ lãnh đạo chính quyền ở cấp tỉnh

Cột 4: Ghi tổng số lãnh đạo chính quyền ở cấp huyện

Cột 5: Ghi tổng số nữ lãnh đạo chính quyền ở cấp huyện

Cột 6: Ghi tỷ lệ nữ lãnh đạo chính quyền ở cấp huyện

Cột 7: Ghi tổng số lãnh đạo chính quyền ở cấp xã

Cột 8: Ghi tổng số nữ lãnh đạo chính quyền ở cấp xã

Cột 9: Ghi tỷ lệ nữ lãnh đạo chính quyền ở cấp xã

3. Phạm vi và thời kỳ thu thập số liệu

Phạm vi toàn tỉnh. Thời kỳ thu thập số liệu một năm của năm báo cáo (số liệu có đến ngày 31/12 hàng năm).

4. Nguồn số liệu

Sở Nội vụ, Tòa án nhân dân tỉnh và Viện kiểm sát nhân dân tỉnh

BIỂU SỐ 003g.H/BCS-XHMT: SỐ VỤ ÁN, SỐ BỊ CAN ĐÃ KHỞI TỐ

1. Khái niệm, nội dung, phương pháp tính

a) Số vụ án đã khởi tố là số vụ việc có dấu hiệu tội phạm đã được cơ quan có thẩm quyền ra quyết định khởi tố vụ án hình sự.

b) Số bị can đã khởi tố là số người hoặc pháp nhân bị cơ quan có thẩm quyền ra quyết định khởi tố bị can.

c) Nguyên tắc xác định tội danh:

(1) Nếu vụ án có nhiều tội danh thì tội danh của vụ án được thống kê theo tội danh nghiêm trọng nhất của vụ án (của bị can đầu vụ);

(2) Nếu bị can bị khởi tố về nhiều tội trong cùng một vụ án thì tội danh của bị can được thống kê theo tội danh nghiêm trọng nhất trong vụ án đó;

(3) Trong các trường hợp trên nếu các tội danh có cùng mức độ nghiêm trọng thì thống kê theo tội danh có số thứ tự của điều luật nhỏ nhất trong Bộ luật hình sự.

2. Cách ghi biểu

Cột A: Chia theo các phân tổ

Chia theo tội danh: Tội danh được quy định trong Bộ luật Hình sự. Trường hợp một vụ án cấu thành nhiều tội danh thì quy định ghi vào nhóm tội nằm phía trước trong Bộ luật Hình sự.

Chia theo giới tính bị can;

Chia theo nhóm tuổi bị can;

Chia theo huyện/thị xã theo danh mục đơn vị hành chính hiện hành. Trường hợp vụ án xảy ra trên địa bàn nhiều huyện/thị xã thì ghi cho nơi khởi tố vụ án.

Cột B: Ghi mã số của từng dòng phân tổ.

Cột 1: Ghi số vụ án đã khởi tố trong kỳ.

Cột 2, cột 3: Ghi số bị can đã khởi tố trong kỳ phân theo pháp nhân, cá nhân.

3. Phạm vi và thời kỳ thu thập số liệu

Toàn bộ vụ án và bị can đã được các cơ quan có thẩm quyền ra quyết định khởi tố trong kỳ báo cáo trên phạm vi toàn tỉnh. Thời kỳ thu thập số liệu: 6 tháng và cả năm.

4. Nguồn số liệu

Viện Kiểm sát nhân dân cấp tỉnh

BIỂU SỐ 004g.H/BCS-XHMT: SỐ VỤ ÁN, SỐ BỊ CAN ĐÃ TRUY TỐ

1. Khái niệm, nội dung, phương pháp tính

a) Số vụ án đã truy tố là số vụ án mà Viện kiểm sát đã ra quyết định truy tố vụ án ra trước Toà án bằng bản cáo trạng hoặc quyết định truy tố.

b) Số bị can đã truy tố là số bị can mà Viện kiểm sát đã ra quyết định truy tố bị can đó ra trước Toà án bằng bản cáo trạng hoặc quyết định truy tố.

c) Nguyên tắc xác định tội danh:

(1) Nếu vụ án có nhiều tội danh thì tội danh của vụ án được thống kê theo tội danh nghiêm trọng nhất của vụ án (của bị can đầu vụ);

(2) Nếu bị can bị khởi tố về nhiều tội trong cùng một vụ án thì tội danh của bị can được thống kê theo tội danh nghiêm trọng nhất trong vụ án đó;

(3) Trong các trường hợp trên nếu các tội danh có cùng mức độ nghiêm trọng thì thống kê theo tội danh có số thứ tự của điều luật nhỏ nhất trong Bộ luật hình sự.

2. Cách ghi biểu

Cột A: Chia theo các phân tổ

Chia theo tội danh: Tội danh được quy định trong Bộ luật Hình sự. Trường hợp một vụ án cấu thành nhiều tội danh thì quy định ghi vào nhóm tội nằm phía trước trong Bộ luật Hình sự.

Chia theo giới tính bị can;

Chia theo nhóm tuổi bị can;

Chia theo huyện/thị xã theo danh mục đơn vị hành chính hiện hành. Trường hợp vụ án xẩy ra trên địa bàn nhiều huyện/thị xã thì ghi cho nơi khởi (truy) tố vụ án.

Cột B: Ghi mã số của từng dòng phân tổ.

Cột 1: Ghi số vụ án đã truy tố trong kỳ.

Cột 2, cột 3: Ghi số bị can đã truy tố trong kỳ phân theo pháp nhân, cá nhân.

3. Phạm vi và thời kỳ thu thập số liệu: Toàn bộ vụ án và bị can đã được Viện Kiểm sát nhân dân ra quyết định truy tố trước tòa án nhân dân bằng bản cáo trạng hoặc Quyết định truy tố trong kỳ báo cáo trên phạm vi toàn tỉnh, thành phố. Thời kỳ thu thập số liệu: 6 tháng và cả năm.

4. Nguồn số liệu: Viện Kiểm sát nhân dân cấp tỉnh.

Biểu số: 003g.H/BCS-XHMT
Ngày nhận báo cáo:
- 6 tháng: Ngày 17 tháng 7 năm báo cáo
-Nnăm: Ngày 28/3 năm sau năm báo cáo

SỐ VỤ ÁN, SỐ BỊ CAN ĐÃ KHỞI TỐ

6 tháng/Năm (Có đến 31/12/.....)

Đơn vị báo cáo:
Viện Kiểm sát nhân dân cấp tỉnh
Đơn vị nhận báo cáo:
Cục Thống kê

	Mã số	Số vụ án (Vụ)	Số bị can (Người)	
			Pháp nhân (Tổ chức)	Cá nhân (Người)
A	B	1	2	3
TỔNG SỐ	**01**			
1. Chia theo tội danh *(Ghi theo thứ tự các tội danh trong BLHS)*				
Tội giết người	02			
.....	03			
.....				
Tội tuyển mộ lính đánh thuê; tội làm lính đánh thuê				
2. Chia theo giới tính bị can				
Nam		x	x	
Nữ		x	x	
3. Chia theo nhóm tuổi bị can				
Từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi		x	x	
Từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi		x	x	
Từ đủ 18 tuổi đến dưới 30 tuổi		x	x	
Từ đủ 30 đến dưới 70 tuổi		x	x	
Từ 70 tuổi trở lên		x	x	
4. Chia theo huyện/thị xã				
(Ghi theo Danh mục các đơn vị hành chính Việt Nam)				

...., Ngày... tháng...năm.....

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên, đóng dấu)

GIẢI THÍCH, CÁCH GHI BIỂU

BIỂU SỐ 003g.H/BCS-XHMT: SỐ VỤ ÁN, SỐ BỊ CAN ĐÃ KHỞI TỐ

1. Khái niệm, nội dung, phương pháp tính

a) Số vụ án đã khởi tố là số vụ việc có dấu hiệu tội phạm đã được cơ quan có thẩm quyền ra quyết định khởi tố vụ án hình sự.

b) Số bị can đã khởi tố là số người hoặc pháp nhân bị cơ quan có thẩm quyền ra quyết định khởi tố bị can.

c) Nguyên tắc xác định tội danh:

(1) Nếu vụ án có nhiều tội danh thì tội danh của vụ án được thống kê theo tội danh nghiêm trọng nhất của vụ án (của bị can đầu vụ);

(2) Nếu bị can bị khởi tố về nhiều tội trong cùng một vụ án thì tội danh của bị can được thống kê theo tội danh nghiêm trọng nhất trong vụ án đó;

(3) Trong các trường hợp trên nếu các tội danh có cùng mức độ nghiêm trọng thì thống kê theo tội danh có số thứ tự của điều luật nhỏ nhất trong Bộ luật hình sự.

2. Cách ghi biểu

Cột A: Chia theo các phân tổ

Chia theo tội danh: Tội danh được quy định trong Bộ luật Hình sự. Trường hợp một vụ án cấu thành nhiều tội danh thì quy định ghi vào nhóm tội nằm phía trước trong Bộ luật Hình sự.

Chia theo giới tính bị can;

Chia theo nhóm tuổi bị can;

Chia theo huyện/thị xã theo danh mục đơn vị hành chính hiện hành. Trường hợp vụ án xảy ra trên địa bàn nhiều huyện/thị xã thì ghi cho nơi khởi tố vụ án.

Cột B: Ghi mã số của từng dòng phân tổ.

Cột 1: Ghi số vụ án đã khởi tố trong kỳ.

Cột 2, cột 3: Ghi số bị can đã khởi tố trong kỳ phân theo pháp nhân, cá nhân.

3. Phạm vi và thời kỳ thu thập số liệu

Toàn bộ vụ án và bị can đã được các cơ quan có thẩm quyền ra quyết định khởi tố trong kỳ báo cáo trên phạm vi toàn tỉnh. Thời kỳ thu thập số liệu: 6 tháng và cả năm.

4. Nguồn số liệu

Viện Kiểm sát nhân dân cấp tỉnh

Biểu số: 004g.H/BCS-XHMT
Ngày nhận báo cáo:
- 6 tháng: Ngày 17/7 năm báo cáo
- Năm: Ngày 28/3 năm sau năm báo cáo

SỐ VỤ ÁN, SỐ BỊ CAN ĐÃ TRUY TỐ

6 Tháng/Năm
(Có đến 31/12/.....)

Đơn vị gửi báo cáo:
Viện Kiểm sát nhân dân cấp tỉnh .....
Đơn vị nhận báo cáo:
Cục Thống kê .....

	Mã số	Số vụ án (Vụ)	Số bị can	
			Pháp nhân (Tổ chức)	Cá nhân (Người)
A	B	1	2	3
TỔNG SỐ	01			
1. Chia theo tội danh *(Ghi theo thứ tự các tội danh trong BLHS)*				
Tội giết người	02			
.....	03			
.....				
Tội tuyển mộ lính đánh thuê; tội làm lính đánh thuê				
2. Chia theo giới tính bị can				
Nam		x	x	
Nữ		x	x	
3. Chia theo nhóm tuổi bị can				
Từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi		x	x	
Từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi		x	x	
Từ đủ 18 tuổi đến dưới 30 tuổi		x	x	
Từ đủ 30 đến dưới 70 tuổi		x	x	
Từ 70 tuổi trở lên		x	x	
4. Chia theo huyện/thị xã				
(Ghi theo Danh mục các đơn vị hành chính Việt Nam)				

……, Ngày..... tháng..... năm.....

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên, đóng dấu)

GIẢI THÍCH, CÁCH GHI BIỂU

BIỂU SỐ 004g.H/BCS-XHMT: SỐ VỤ ÁN, SỐ BỊ CAN ĐÃ TRUY TỐ

1. Khái niệm, nội dung, phương pháp tính

a) Số vụ án đã truy tố là số vụ án mà Viện kiểm sát đã ra quyết định truy tố vụ án ra trước Toà án bằng bản cáo trạng hoặc quyết định truy tố.

b) Số bị can đã truy tố là số bị can mà Viện kiểm sát đã ra quyết định truy tố bị can đó ra trước Toà án bằng bản cáo trạng hoặc quyết định truy tố.

c) Nguyên tắc xác định tội danh:

(1) Nếu vụ án có nhiều tội danh thì tội danh của vụ án được thống kê theo tội danh nghiêm trọng nhất của vụ án (của bị can đầu vụ);

(2) Nếu bị can bị khởi tố về nhiều tội trong cùng một vụ án thì tội danh của bị can được thống kê theo tội danh nghiêm trọng nhất trong vụ án đó;

(3) Trong các trường hợp trên nếu các tội danh có cùng mức độ nghiêm trọng thì thống kê theo tội danh có số thứ tự của điều luật nhỏ nhất trong Bộ luật hình sự.

2. Cách ghi biểu

Cột A: Chia theo các phân tổ

Chia theo tội danh: Tội danh được quy định trong Bộ luật Hình sự. Trường hợp một vụ án cấu thành nhiều tội danh thì quy định ghi vào nhóm tội nằm phía trước trong Bộ luật Hình sự.

Chia theo giới tính bị can;

Chia theo nhóm tuổi bị can;

Chia theo huyện/thị xã theo danh mục đơn vị hành chính hiện hành. Trường hợp vụ án xẩy ra trên địa bàn nhiều huyện/thị xã thì ghi cho nơi khởi (truy) tố vụ án.

Cột B: Ghi mã số của từng dòng phân tổ.

Cột 1: Ghi số vụ án đã truy tố trong kỳ.

Cột 2, cột 3: Ghi số bị can đã truy tố trong kỳ phân theo pháp nhân, cá nhân.

3. Phạm vi và thời kỳ thu thập số liệu: Toàn bộ vụ án và bị can đã được Viện Kiểm sát nhân dân ra quyết định truy tố trước tòa án nhân dân bằng bản cáo

trạng hoặc Quyết định truy tố trong kỳ báo cáo trên phạm vi toàn tỉnh, thành phố. Thời kỳ thu thập số liệu: 6 tháng và cả năm.

4. Nguồn số liệu: Viện Kiểm sát nhân dân cấp tỉnh.

Biểu số: 005a.N/BCS-XHMT
Ngày nhận báo cáo:
Ngày 12 tháng 02 năm 20…..

TỶ LỆ NỮ ĐẢM NHIỆM CÁC CHỨC VỤ LÃNH ĐẠO CHÍNH QUYỀN

Có đến ngày 31/12/ ……

Đơn vị gửi:
Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh .....
Đơn vị nhận:
Cục Thống kê .....

	Mã số	Cấp tỉnh			Cấp huyện		
		Tổng số (Người)	Trong đó: Nữ (Người)	Tỷ lệ (%)	Tổng số (Người)	Trong đó: Nữ (Người)	Tỷ lệ (%)
A	B	1	2	3	4	5	6
Toàn tỉnh, TP	**01**						
Chia theo trình độ học vấn							
- Tiểu học	02						
- Trung học cơ sở	03						
- Trung học phổ thông	04						
- Sơ cấp	05						
- Trung cấp	06						
- Cao đẳng	07						
- Đại học	08						
- Thạc sĩ	09						
- Tiến sĩ	10						
Chia theo dân tộc							
- Kinh	11						
- Dân tộc thiểu số	12						

	Mã số	Cấp tỉnh			Cấp huyện		
		Tổng số (Người)	Trong đó: Nữ (Người)	Tỷ lệ (%)	Tổng số (Người)	Trong đó: Nữ (Người)	Tỷ lệ (%)
A	**B**	**1**	**2**	**3**	**4**	**5**	**6**
Chia theo nhóm tuổi							
Dưới 20 tuổi	13						
20-24	14						
25-29	15						
30-34	16						
35-39	17						
40-44	18						
45-49	19						
50-54	20						
55-59	21						
60-64	22						
65 +	23						

……, Ngày..... tháng..... năm.....

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên, đóng dấu)

GIẢI THÍCH, CÁCH GHI BIỂU

BIỂU SỐ 005a.N/BCS-XHMT: TỶ LỆ NỮ ĐẢM NHIỆM CÁC CHỨC VỤ LÃNH ĐẠO CHÍNH QUYỀN

Biểu số 005a.N/BCS-XHMT: Thu thập chỉ tiêu phản ánh vai trò của phụ nữ cũng như sự bình bằng giới trong việc tham gia lãnh đạo chính quyền từ cấp địa phương đến cấp Trung ương, giúp Nhà nước có căn cứ lập kế hoạch đào tạo, quy hoạch, sử dụng cán bộ nữ nhằm thúc đẩy sự bình đẳng giới.

1. Khái niệm, nội dung, phương pháp tính

a) Tỷ lệ nữ đảm nhiệm chức vụ lãnh đạo chính quyền: là số phần trăm nữ là lãnh đạo chính quyền so với tổng số lãnh đạo chính quyền.

Hệ thống chính quyền của Nhà nước Việt Nam gồm:

(1) Cơ quan quyền lực nhà nước gồm: Quốc hội ở cấp Trung ương và Hội đồng nhân dân các cấp địa phương do nhân dân trực tiếp bầu ra và thay mặt nhân dân thực hiện quyền lực nhà nước;

(2) Cơ quan hành chính gồm: Chính phủ ở cấp Trung ương và Ủy ban nhân dân các cấp địa phương do cơ quan quyền lực tương ứng bầu ra;

(3) Cơ quan xét xử gồm: Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân cấp cao và Toà án nhân dân các cấp địa phương;

(4) Cơ quan kiểm sát gồm: Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân cấp cao và Viện kiểm sát nhân dân các cấp địa phương.

b) Chức vụ lãnh đạo chính quyền gồm:

(1) Cấp Trung ương, gồm:

- Chủ tịch, Phó Chủ tịch Quốc hội; Chủ nhiệm, Phó Chủ nhiệm các Ủy ban của Quốc hội; Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng dân tộc; Vụ trưởng, Phó Vụ trưởng và tương tương;

- Chủ tịch nước, Phó Chủ tịch nước;

- Thủ tướng, Phó Thủ tướng Chính phủ;

- Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ; Thứ trưởng và tương đương; Tổng cục trưởng, Phó Tổng cục trưởng và tương đương; Cục trưởng, Phó Cục trưởng và tương đương; Vụ trưởng, Phó Vụ trưởng và tương đương;

- Chánh án, Phó Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; Chánh án, Phó Chánh án, Chánh tòa, Phó Chánh tòa Tòa án nhân dân cấp cao; Tổng cục trưởng, Phó Tổng cục trưởng và tương đương; Cục trưởng, Phó Cục trưởng và tương đương; Vụ trưởng, Phó Vụ trưởng và tương đương;

- Viện trưởng, Phó Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao; Tổng cục trưởng, Phó Tổng cục trưởng và tương đương; Cục trưởng, Phó Cục trưởng và tương đương; Vụ trưởng, Phó Vụ trưởng và tương đương.

(2) Cấp tỉnh, gồm:

- Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp tỉnh;

- Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc, Phó Giám đốc Sở và tương đương;

- Chánh án, Phó Chánh án, Chánh tòa, Phó Chánh tòa Tòa án nhân dân cấp tỉnh; Viện trưởng, Phó Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh.

(3) Cấp huyện, gồm:

- Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp huyện;

- Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện; Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng các phòng chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân.

- Chánh án, Phó Chánh án, Chánh tòa, Phó Chánh tòa Tòa án nhân dân cấp huyện; Viện trưởng, Phó Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện.

(4) Cấp xã, gồm:

- Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp xã;

- Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã.

c) Công thức tính:

$$\text{Tỷ lệ nữ đảm nhiệm chức vụ lãnh đạo chính quyền (\%)} = \frac{\text{Số nữ đảm nhiệm các chức vụ lãnh đạo chính quyền khoá t}}{\text{Tổng số lãnh đạo chính quyền cùng khóa}} \times 100$$

2. Cách ghi biểu

Cột A: Ghi theo các phân tổ theo trình độ học vấn, theo dân tộc và chia theo nhóm tuổi.

Cột 1: Ghi tổng số lãnh đạo chính quyền ở cấp tỉnh

Cột 2: Ghi tổng số nữ lãnh đạo chính quyền ở cấp tỉnh

Cột 3: Ghi tỷ lệ nữ lãnh đạo chính quyền ở cấp tỉnh

Cột 4: Ghi tổng số lãnh đạo chính quyền ở cấp huyện

Cột 5: Ghi tổng số nữ lãnh đạo chính quyền ở cấp huyện

Cột 6: Ghi tỷ lệ nữ lãnh đạo chính quyền ở cấp huyện

Cột 7: Ghi tổng số lãnh đạo chính quyền ở cấp xã

Cột 8: Ghi tổng số nữ lãnh đạo chính quyền ở cấp xã

Cột 9: Ghi tỷ lệ nữ lãnh đạo chính quyền ở cấp xã

3. Phạm vi và thời kỳ thu thập số liệu

Phạm vi toàn tỉnh. Thời kỳ thu thập số liệu một năm của năm báo cáo (số liệu có đến ngày 31/12 hàng năm).

4. Nguồn số liệu

Sở Nội vụ, Tòa án nhân dân tỉnh và Viện kiểm sát nhân dân tỉnh